TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

Bản án số 66/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07/ 7/ 2023
(V/v T/ c Hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM - TỈNH BẮC GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chấn, bà Đỗ Thị Hoài Mơ

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngọ Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Băc Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam không tham gia phiên tòa.

Ngày 07/ 7/ 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2023/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023, về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72a /2023/QĐST- HNGĐ ngày 14 / 6/ 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N- Sinh năm 1962(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Tại đơn khởi kiện, biên bản tự khai và phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà N và ông T tự nguyện chung sống với nhau tại thôn Giếng , xa Khám Lạng, huyện Lục Nam từ năm 1982, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Sau đó vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, khoảng năm 2013 thì mâu thuẫn do không hợp nhau. Vợ chồng không quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau sống. Nay bà N thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Nguyễn Thị Mai- Sinh năm 1983, Nguyễn Thị Thanh- Sinh năm 1986, Nguyễn Thị Liên- Sinh năm 1990 và Nguyễn Văn Trắc- Sinh năm 1990(Đã chết): Do con chung đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, công sức và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn là ông Nguyễn Văn T tại bản tự khai , biên bản hòa giải trình bày: Bà N và ông T tự nguyện chung sống với nhau tại thôn Giếng , xã Khám Lạng, huyện Lục Nam từ năm 1982, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Sau đó vợ chồng chung sống hạnh

phúc được một thời gian, khoảng năm 2013 thì mâu thuẫn do không hợp nhau. Vợ chồng không quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau sống. Nay bà N yêu cầu ly hôn thì ông T đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Nguyễn Thị Mai- Sinh năm 1983, Nguyễn Thị Thanh- Sinh năm 1986, Nguyễn Thị Liên- Sinh năm 1990 và Nguyễn Văn Trắc- Sinh năm 1990(Đã chết): Do con chung đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, công sức và các vấn đề khác: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam không tham gia phiên tòa là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự; ông T đã được tống đạt văn bản tố tụng nên việc xét xử là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T là tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương và đã thực sự chung sống với nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình từ năm 1982 đến nay và đã có 04 con chung. Tuy nhiên từ đó đến nay bà N và ông T vẫn không đăng ký kết hôn nên thuộc trường hợp chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Do vậy yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ cần xem xét giải quyết theo quy định tại điểm a, khoản 3 Nghị quyết số 35/ 2000/ NQ- QH10 ngày 09/ 6/ 2000 : " Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/ 01/ 1987...trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 ". Như vậy cần áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà N và ông T đã chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau; vợ chồng không quan tâm đến nhau; nay bà N yêu cầu ly hôn thì ôngT đồng ý. Do vậy Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa bà N và ôngT đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu ly hôn ông T.

[3].Về con chung: Bà N và ông T đều trình bày có 04 con chung là Nguyễn Thị Mai- Sinh năm 1983, Nguyễn Thị Thanh- Sinh năm 1986, Nguyễn Thị Liên- Sinh năm 1990 và Nguyễn Văn Trắc- Sinh năm 1990(Đã chết) đều đã thành niên, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, công sức và các vấn đề khác : Đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Án phí: Bà N thuộc trường hợp người cao tuổi nên miễn toàn bộ án phí sơ thẩm.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam không tham gia phiên tòa là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ nội dung trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ các Điều 85, 89 và 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án :

2.Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T được ly hôn.

3.Về con chung, tài sản chung,công sức và các vấn đề khác: Không xem xét giải quyết.

5.Án phí sơ thẩm:Miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với bà Nguyễn Thị N.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết..

Nơi nhận:
- *Đương sự*
- *TAND T, BG*
- *VKSNDH. Lục Nam*
- *THADSH. Lục Nam*
- *UBND xã Khám Lạng*
- *Lưu*

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Kiên